

BƯỚC ĐẦU ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP NHẪM BẢO VỆ LỢI ÍCH THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN THANH TÂM *

1. Trong những năm gần đây, vấn đề thực thi quyền sở hữu công nghiệp đã trở thành mối quan tâm cơ bản trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về sở hữu công nghiệp, không chỉ của từng quốc gia mà cả ở bình diện quốc tế. Một trong những tiêu chí có xu hướng ngày càng được coi trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền sở hữu công nghiệp ở các quốc gia là vấn đề bảo vệ lợi ích thương mại của các chủ thể quyền sở hữu công nghiệp. Ở Việt nam hiện nay, pháp luật về thực thi quyền sở hữu công nghiệp được quy định trong nhiều văn bản thuộc nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau như: Bộ luật dân sự (1995), Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996, Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02/07/2002 về việc xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật hình sự (1999), Luật hải quan (2001), Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001, Bộ luật tố tụng dân sự (2004) v.v.. Ở mức độ nhất định, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về thực thi quyền sở hữu công nghiệp của Việt Nam đã phù hợp với tập quán quốc tế, tạo cơ sở pháp lý cần thiết để bảo hộ hầu hết các đối tượng sở hữu công nghiệp, thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, pháp luật hiện hành quy định nhiều biện pháp chống lại các vi phạm quyền

sở hữu công nghiệp, cùng với hệ thống các cơ quan thực thi khá đồ sộ; trong chừng mực nhất định đã đáp ứng được đòi hỏi nội tại của trật tự kinh tế thị trường ở nước ta và đòi hỏi của hội nhập kinh tế quốc tế. Để chống lại các hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, pháp luật đã quy định các loại chế tài hành chính, dân sự và hình sự. Các chế tài này được thực thi bởi rất nhiều cơ quan có thẩm quyền như công an, toà án, quản lý thị trường, cục sở hữu trí tuệ, các sở khoa học và công nghệ, hải quan, bộ đội biên phòng v.v..

Thứ hai, những quy định về thực thi quyền sở hữu công nghiệp tại biên giới của Việt Nam, về cơ bản, đã phù hợp với tinh thần của các điều ước quốc tế, trong đó quan trọng phải kể đến là Hiệp định trong khuôn khổ WTO về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights - TRIPs). Các biện pháp kiểm soát biên giới trong Hiệp định TRIPs chủ yếu liên quan đến vi phạm nhãn hiệu hàng hoá và quyền tác giả. Theo quy định của Hiệp định TRIPs, hàng hoá mang nhãn hiệu giả mạo được gọi là “hàng

* Giảng viên Khoa luật quốc tế
Trường đại học luật Hà Nội

già”, hàng hoá xâm phạm quyền tác giả được gọi là “hàng ăn cắp quyền tác giả”. Hiệp định TRIPs đòi hỏi các nước thành viên phải có cơ chế, thủ tục để chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá có quyền yêu cầu hải quan không cho hàng hoá nhập khẩu, khi có lý do để nghi ngờ rằng hàng hoá nhập khẩu vi phạm quyền sở hữu đối với nhãn hiệu hàng hoá của họ. Luật hải quan (2001) của Việt Nam đã có nhiều điều khoản đề cập vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới. Mục 5 (các điều 57, 58, 59) Luật này còn quy định về “tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ”. Thủ tục này đã được cụ thể hoá tại Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001. Về cơ bản, Luật hải quan (2001) của Việt Nam đã phù hợp với tinh thần của Hiệp định TRIPs (1994) và Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (2000) trong lĩnh vực thực thi quyền sở hữu công nghiệp đồng thời khá tương thích với pháp luật các nước.

Thứ ba, một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong Bộ luật tố tụng dân sự (2004) đã đáp ứng yêu cầu của Hiệp định TRIPs. Việc áp dụng các thủ tục dân sự và hình sự có thể tốn nhiều thời gian, do đó, Điều 50 Hiệp định TRIPs quy định các cơ quan pháp luật phải có trách nhiệm đưa ra những biện pháp khẩn cấp tạm thời và hiệu quả nhằm ngăn xảy ra vi phạm và ngăn các hàng hoá vi phạm đi vào các kênh thương mại. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời thường nhằm hai mục đích cơ bản: Một là, để thu thập chứng cứ; hai là, nhằm bảo đảm bồi thường. Các biện pháp này yêu cầu bị

đơn ngừng hoặc chấm dứt một hành vi nhất định. Bên cạnh đó, các biện pháp khẩn cấp tạm thời phải có khả năng được áp dụng trong mọi giai đoạn tố tụng, đặc biệt là trước khi thụ lý vụ án để tạo thuận lợi cho nguyên đơn thu thập chứng cứ. Theo Điều 99 Bộ luật tố tụng dân sự (2004) của Việt Nam, quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện cả trong quá trình giải quyết vụ án (khoản 1) lẫn trong trường hợp do tình thế khẩn cấp (khoản 2). Trong các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự (2004) có các biện pháp rất thích hợp để thực thi quyền sở hữu công nghiệp nhằm bảo vệ lợi ích thương mại của chủ thể quyền. Chẳng hạn, kê biên tài sản đang tranh chấp, cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp, cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp, phong toả tài khoản tại ngân hàng, phong toả tài sản ở nơi giữ giữ, cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định v.v..

Thứ tư, để hỗ trợ cho việc thực thi quyền sở hữu công nghiệp, pháp luật hiện hành đã quy định đầy đủ các phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống như thương lượng, hoà giải, trọng tài, toà án. Ngoài ra, pháp luật nước ta còn quy định phương thức giải quyết tranh chấp liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp bằng các cơ quan hành chính. Nhà nước luôn khuyến khích, thậm chí bắt buộc các bên tranh chấp chủ động giải quyết tranh chấp của mình thông qua thương lượng, hoà giải nhằm giữ gìn quan hệ thân thiện giữa các bên (Điều 24 Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1996), Điều 239

Luật thương mại (1997)). Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại được các bên thoả thuận, thông qua hoạt động trung gian là tổ chức trọng tài và các trọng tài viên nhằm chấm dứt xung đột bằng việc đưa ra phán quyết có hiệu lực bắt buộc với mỗi bên. Theo Pháp lệnh trọng tài thương mại (2003), một trong các hoạt động liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp là licence, được liệt kê là hoạt động thương mại thuộc phạm vi giải quyết của trọng tài. Toà án là phương thức giải quyết tranh chấp do cơ quan xét xử của Nhà nước thực hiện, thông qua hoạt động của các thẩm phán, nhằm ra bản án hay quyết định về vụ tranh chấp buộc các bên phải thi hành. Ở Việt Nam, toà án được giao thẩm quyền xét xử các tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp bắt đầu từ năm 1989 khi Pháp lệnh về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (1989) được ban hành. Các tranh chấp liên quan đến xác lập quyền sở hữu công nghiệp chủ yếu được giải quyết tại các cơ quan hành chính (có sự tham gia của toà án hành chính). Trong cơ chế thực thi và giải quyết tranh chấp liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp ở nước ta, vai trò của các cơ quan hành chính (quản lý thị trường, hải quan v.v.) được đề cao. Cơ chế giải quyết tranh chấp theo kiểu này thể hiện khá nhiều ưu điểm, chẳng hạn: Việc xử lý hành chính nhằm chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thường diễn ra trong thời gian ngắn hơn nhiều so với việc giải quyết tranh chấp tại toà án, do đó tạo thuận lợi cho chủ thể quyền trong việc bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.

Thứ năm, pháp luật hiện hành đã tạo đầy đủ cơ sở pháp lý để mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đều có thể được xử lý bằng phán quyết của toà án. Điều này đã bước đầu đáp ứng đòi hỏi của Hiệp định TRIPs (Điều 41), theo đó cơ chế thực thi quyền sở hữu công nghiệp phải cho phép khiếu kiện có hiệu quả chống lại bất kì hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nào. Toà hành chính của Việt Nam được thành lập từ năm 1996 theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức toà án nhân dân (1996), được trao thẩm quyền giải quyết các khiếu nại đối với các quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền ở giai đoạn đăng kí, xác lập quyền sở hữu công nghiệp (các Điều 2, 11, và 13 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính (1996) và Điều 27 Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996) và các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (Điều 11 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính (1996) và Nghị định số 12/1999/NĐ-CP ngày 06/03/1999 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp). Toà án dân sự, từ năm 1989, được trao thẩm quyền giải quyết các tranh chấp, các yêu cầu, khiếu nại dân sự trong việc thực thi quyền sở hữu công nghiệp (Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996). Toà án kinh tế, được thành lập từ năm 1994 theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức toà án nhân dân (1994), được trao thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh tế liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp (Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế (1994), Pháp lệnh

hợp đồng kinh tế (1989)).

2. Bên cạnh những thành công đã đạt được, pháp luật hiện hành về thực thi quyền sở hữu công nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là gắn với mục đích bảo vệ lợi ích thương mại. Sự chưa hoàn thiện của pháp luật về thực thi quyền sở hữu công nghiệp đã gây không ít khó khăn cho việc thực thi và giải quyết tranh chấp liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp, không bảo vệ một cách hiệu quả lợi ích thương mại của các chủ thể quyền sở hữu công nghiệp. Thực trạng này có thể được khái quát ở những điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, một số quy định tại các văn bản pháp luật còn mâu thuẫn nhau, không cụ thể, không dễ hiểu. Chẳng hạn: Theo Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả và văn bản hướng dẫn thi hành, hàng giả bao gồm nhiều loại trong đó có hàng vi phạm quyền sở hữu công nghiệp. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm của các điều ước quốc tế và pháp luật hiện hành của các nước trên thế giới. Trong khi đó, Bộ luật hình sự (1999) lại quy định tội sản xuất, buôn bán hàng giả (các điều 156, 157, 158) và tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171) là các tội danh khác nhau; về các hành vi làm hàng giả nhân hiệu hàng hoá, các văn bản pháp luật định nghĩa các hành vi này là sử dụng các nhãn hiệu hàng hoá bị coi là “trùng”, “tương tự tới mức gây nhầm lẫn” với các đối tượng sở hữu công nghiệp được bảo hộ (Điều 6 Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996). Bản thân các cụm từ này đã tạo ra sự tùy tiện trong cách

hiểu vấn đề. Do đó, chính các cơ quan chức năng cũng có các cách hiểu khác nhau trong việc nhận định một hành vi có vi phạm quyền sở hữu công nghiệp hay không. Những vụ tranh chấp dai dẳng nhiều năm về nhãn hiệu “Super Maxilitex” của Công ti Sơn Nippon và “Super Maxilite” của Công ti Sơn ICI, nhãn hiệu “Trường Sinh” giữa Công ti TNHH Trường Sinh và Công ti Foremost, nhãn hiệu “Hữu Nghị” giữa Công ti Thực phẩm miền Bắc và Công ti cổ phần bánh kẹo Hữu Nghị v.v. đều là những ví dụ sống động về sự không rõ ràng trong pháp luật về sở hữu công nghiệp ở nước ta hiện nay.⁽¹⁾ Các quy định pháp luật theo kiểu này thực sự tạo ra những “kẽ hở” để các bên tham gia tranh chấp và giải quyết tranh chấp lợi dụng. Các quy định pháp luật về sở hữu công nghiệp không chỉ mâu thuẫn nhau mà còn thiếu trong một số lĩnh vực. Chẳng hạn, mặc dù pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp ở nước ta đã bước đầu quy định về chống ăn cắp tên miền trên Internet nhưng các quy định còn sơ sài, chưa đủ căn cứ để giải quyết tranh chấp khi tranh chấp xảy ra.

Thứ hai, các chế tài theo quy định của pháp luật hiện hành chưa đáp ứng đòi hỏi của Hiệp định TRIPs. Điều 41 Hiệp định TRIPs quy định: “*Các thành viên phải đảm bảo rằng các thủ tục thực thi quyền nêu tại phần này phải được quy định trong luật quốc gia của mình... trong đó có những biện pháp chế tài khẩn cấp nhằm ngăn chặn các hành vi xâm phạm và những biện pháp chế tài nhằm ngăn chặn không để các hành vi xâm phạm tiếp diễn...*”. Với những quy định

hiện hành của Việt Nam, phần lớn những vi phạm quyền sở hữu công nghiệp chỉ bị xử lý hành chính. Người vi phạm chỉ bị tịch thu hàng hoá vi phạm, thu hồi giấy phép kinh doanh hoặc buộc ngừng sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp chứ chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa phải bồi thường thiệt hại cho chủ thể quyền. Chính vì thế, quyền sở hữu công nghiệp càng bị coi thường, bị xâm phạm thường xuyên. Bên cạnh đó, mặc dù phần lớn những vi phạm quyền sở hữu công nghiệp chỉ bị xử lý hành chính nhưng việc xử lý hành chính cũng chưa thực sự nghiêm khắc. Theo Pháp lệnh số 44/PL-UBTVQH10 ngày 02/07/2002 về việc xử lý vi phạm hành chính, người có hành vi vi phạm có thể bị áp dụng hình thức phạt tiền với mức tiền phạt tối đa là 100 triệu đồng (điểm d khoản 2 Điều 14). Mức tiền phạt nói trên chưa tương xứng với lợi nhuận thu được của người vi phạm, chưa thực sự nghiêm khắc và chưa có tác dụng răn đe người vi phạm.

Bên cạnh đó, trong pháp luật tố tụng dân sự nước ta nói chung cũng như pháp luật về sở hữu công nghiệp nói riêng, chưa có quy định về tính toán thiệt hại làm cơ sở cho việc bồi thường thiệt hại. Hiện tại, toà án gặp rất nhiều yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn nhưng do chưa có văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền làm cơ sở cho toà án tính toán thiệt hại nên yêu cầu của nguyên đơn chưa được xem xét thỏa đáng, làm ảnh hưởng tới lợi ích kinh tế của chủ thể quyền. Nhìn chung, quy định của pháp luật nước ta về chế tài bồi thường thiệt hại chưa đáp ứng đòi hỏi

của Hiệp định TRIPs.

Trong lĩnh vực hình sự, mặc dù Bộ luật hình sự (1999) đã quy định chế tài rất nghiêm khắc đối với các tội phạm liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp nhưng việc áp dụng chế tài hình sự trên thực tế lại không đủ nghiêm khắc, do đó không có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Các điều 156, 157, 158, 170, 171 Bộ luật hình sự (1999) quy định khung hình phạt rất rộng và rất nghiêm khắc, với mức phạt cao nhất là tù hình nhưng trên thực tế, người phạm tội thường được hưởng án treo hoặc mức phạt từ 2 - 3 năm tù.⁽²⁾ Bên cạnh đó, mức tiền phạt (tối đa 200 triệu đồng) thực sự không tương xứng với lợi nhuận thu được của người phạm tội. Theo quy định của Bộ luật hình sự (1999), phạt tiền là hình phạt được áp dụng tương đối phổ biến đối với các tội phạm kinh tế, trong đó có các tội phạm liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, theo TS. Dương Tuyết Miên thì *“trên thực tế, phạt tiền lại là hình phạt mang tính khả thi kém nhất trong số các hình phạt áp dụng cho tội phạm kinh tế”*.⁽³⁾ Nhiều trường hợp, người phạm tội không tự giác nộp tiền phạt, trong khi đó Bộ luật hình sự (1999) lại chưa có quy định hữu hiệu nào để đảm bảo tính khả thi của phạt tiền.

Điểm đáng lưu ý là, mặc dù vi phạm quyền sở hữu công nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi kinh tế của chủ thể quyền nhưng trong pháp luật lại thiếu các chế tài mang tính kinh tế. Pháp luật hành chính, hình sự có quy định về phạt tiền nhưng mức tiền phạt quá thấp so với lợi nhuận bất chính thu được của người vi phạm. Bên cạnh đó,

pháp luật dân sự cũng quy định về vấn đề bồi thường thiệt hại nhưng do không có quy định pháp luật về cơ sở tính toán bồi thường thiệt hại nên mức tiền bồi thường chỉ có ý nghĩa tượng trưng. Do đó, người vi phạm không bị răn đe và chủ sở hữu cũng không được đền bù xứng đáng. Trong pháp luật của nước ta chưa có chế tài quy định về đền bù chi phí tiến hành xử lý vi phạm quyền sở hữu công nghiệp nên chủ thể quyền chưa yên tâm trong việc thu thập chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm, vì hoạt động này cũng tốn kém đáng kể.

Thứ ba, mặc dù pháp luật nước ta về thực thi quyền sở hữu công nghiệp tại biên giới khá tương thích với đòi hỏi của Hiệp định TRIPs nhưng đây mới chỉ là sự tương thích “trên giấy tờ”. Trên thực tế, việc thực hiện các quy định của Luật hải quan (2001), Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 v.v. còn rất lúng túng.⁽⁴⁾ Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành không quy định thẩm quyền của hải quan được kiểm tra hàng trung chuyển hoặc hàng quá cảnh. Thẩm quyền của hải quan trong việc thực thi quyền sở hữu công nghiệp tại biên giới chỉ giới hạn ở việc kiểm tra hàng hoá xuất, nhập khẩu.

Thứ tư, trong hệ thống pháp luật nước ta còn thiếu các văn bản pháp luật quy định rõ ràng thẩm quyền và sự phối hợp giữa các cơ quan thực thi quyền sở hữu công nghiệp, gây khó khăn cho chủ thể quyền trong việc khiếu kiện các hành vi vi phạm. Như phần trên đã đề cập, hiện có rất nhiều cơ quan tham gia xử lý vi phạm quyền sở hữu công nghiệp. Khi muốn được thực thi quyền sở hữu công nghiệp của mình, chủ thể quyền hoặc là

không biết gửi đơn đến cơ quan nào hoặc là gửi đơn đồng thời tới tất cả các cơ quan thực thi, nhưng không biết cơ quan nào chịu trách nhiệm chính. Sự phối hợp không tốt giữa các cơ quan thực thi và giải quyết tranh chấp gây nhiều khó khăn cho các chủ thể quyền. *Ví dụ*: Trong khi cục sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá cho thuốc Decolgen của một công ti nước ngoài, thì Bộ y tế lại cấp giấy phép cho một số doanh nghiệp nhà nước được sản xuất loại thuốc này.⁽⁵⁾ Bên cạnh đó, vẫn có tình trạng cơ quan có thẩm quyền cho đăng ký tên thương mại của doanh nghiệp trùng hoặc tương tự nhãn hiệu hàng hoá của doanh nghiệp khác (*ví dụ*: Việt Tiến, Trường Sinh).

Thứ năm, pháp luật chưa xác định được đúng và đủ thẩm quyền của toà án trong việc xét xử và giải quyết tranh chấp, yêu cầu và khiếu nại liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Bên cạnh thẩm quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để buộc người có hành vi vi phạm phải chấm dứt các hành vi vi phạm, xác định trách nhiệm bồi thường và mức bồi thường v.v. toà án còn có thẩm quyền phán xét về hiệu lực của văn bằng bảo hộ, nghĩa là giải quyết các khiếu kiện hành chính liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp. Từ khi Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính có hiệu lực (1996) đến nay, số lượng các vụ án hành chính nói chung và các vụ án hành chính liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp nói riêng được thụ lý giải quyết chưa nhiều. Tại Việt Nam đến nay chỉ có 2 vụ kiện hành chính liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, trong khi đó có khoảng 5.000 vụ việc

thuộc lĩnh vực này được giải quyết bằng con đường hành chính, tại các cơ quan hành chính.⁽⁶⁾ Thẩm quyền của toà án trong việc giải quyết các khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp dường như chưa được pháp luật quy định cụ thể. Do đó, một mặt các chủ thể quyền chưa thể chủ động yêu cầu toà án giải quyết, mặt khác chính toà án cũng còn lúng túng trong việc giải quyết các khiếu kiện hành chính loại này.⁽⁷⁾

Ở khía cạnh khác, việc phân cấp thẩm quyền xét xử các vụ việc về quyền sở hữu công nghiệp chưa hợp lý, do đó, việc xét xử không hiệu quả. Theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự (2004), toà án có thẩm quyền giải quyết các vụ việc liên quan tới quyền sở hữu công nghiệp là các toà án cấp tỉnh. Trên thực tế, hoạt động sở hữu công nghiệp chỉ diễn ra chủ yếu tại một số trung tâm kinh tế lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội v.v. do đó, việc phân cấp thẩm quyền xét xử các vụ việc về quyền sở hữu công nghiệp như vậy sẽ mang tính lãng phí, gây khó khăn trong việc tích lũy kinh nghiệm cho các thẩm phán.

Tăng cường tính hiệu quả của việc thực thi quyền sở hữu công nghiệp là đòi hỏi tất yếu trong bối cảnh nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường. Với cơ chế thị trường, mọi kết quả đầu tư sáng tạo có giá trị kinh doanh đều luôn đứng trước nguy cơ bị lợi dụng hoặc chiếm đoạt. Mục tiêu quan trọng của hệ thống pháp luật về sở hữu công nghiệp là chống lại nguy cơ này và bảo vệ các cơ hội cho chủ thể quyền sở hữu công

nghiệp, có như vậy mới có thể kích thích, thúc đẩy các nỗ lực sáng tạo trong nghiên cứu, tăng cường hiệu quả của sản xuất, kinh doanh. Từ thực trạng đã phân tích, trước yêu cầu phát triển của hoạt động kinh doanh thương mại hiện nay ở Việt Nam, pháp luật về thực thi quyền sở hữu công nghiệp cần được tiếp tục hoàn thiện với những bước đi và giải pháp thích hợp.

(1).Xem: - Đức Hà, "*Quyền đăng kí nhãn hiệu "Hữu Nghị" thuộc về ai là hợp lí*" ...?, Tạp chí thương mại, số 34/2002, tr. 11;

- Hoài Thanh, "*Thấy gì qua những cuộc tranh chấp thương hiệu gần đây*"?, Thời báo tài chính Việt Nam, thứ Sáu, ngày 11/10/2002, tr. 8;

- Vũ Thị Hải Yến - "*Khái niệm nhãn hiệu hàng hoá trong Bộ luật dân sự*", Tạp chí luật học số tháng 03/2003, tr. 88.

(2), (7).Xem: "*Nâng cao vai trò và năng lực của toà án trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*", Đề tài khoa học cấp bộ, Tòa án nhân dân tối cao, số đăng kí: 99 - 98 - 098 - Hà Nội 1999, tr. 190, 66.

(3).Xem: Dương Tuyết Miên, "*Tội phạm kinh tế và đấu tranh phòng chống tội phạm này ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*", Tạp chí luật học số tháng 3/2003, tr. 65.

(4).Xem: Đức Nguyễn, "*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới - Không thể chậm trễ nếu muốn hội nhập kinh tế*", Thời báo kinh tế Việt Nam, số 202, thứ sáu, ngày 19/12/2003, tr. 12.

(5).Xem: Đoàn Năng, "*Về thực trạng và phương hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở nước ta hiện nay*", Tạp chí nhà nước và pháp luật số 2/2000, tr. 29.

(6).Xem: Nguyễn Khánh Ngọc, "*Nghiên cứu và quán triệt Hiệp định thương mại Việt - Mỹ: "Giải quyết tranh chấp và thực thi pháp luật"* (Trường Vũ lược ghi), Báo Pháp luật, thứ Hai, ngày 29/07/2002, tr. 5.